

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2026/HNGĐ-ST.

Ngày: 25-02-2026.

V/v: *Tranh chấp ly hôn,
con chung.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – LÂM ĐỒNG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+Thẩm phán– Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Thu Huyền**

+Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Hưng Quang**

2. Bà **Trần Thị Hà**

-Thư ký phiên tòa: ông Lê Thành Việt – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 - Lâm Đồng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14-Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 207/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 15-01-2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 30-01-2026, đối với các đương sự:

- Nguyên đơn: ông **Hồ S**, sinh năm 1994; địa chỉ: **thôn A L, xã L, tỉnh Lâm Đồng.**

- Bị đơn: bà **Thông Lâm Thúy L**, sinh năm 1993; địa chỉ: **thôn V, xã L, tỉnh Lâm Đồng.**

Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ly hôn và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn **Hồ S** trình bày: ông và bà **Thông Lâm Thúy L** chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận (nay là xã L, tỉnh Lâm Đồng) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 299 vào ngày 03 tháng 12 năm 2019. Sau khi về chung sống với nhau, bà **L** không có sự

quan tâm và thương yêu đối với chồng con. Khi chồng đi biển, bà L thường xuyên bỏ bê con nhỏ để đi chơi với bạn bè. Do đó, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không còn chung quan điểm sống, không còn sự tôn trọng lẫn nhau và bà L đã tự ý dẫn theo con trai nhỏ, bỏ nhà đi nơi khác sinh sống. Vì vậy, ông S nhận thấy hôn nhân của ông không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn yêu thương và không thể hàn gắn nên yêu cầu ly hôn với bà L.

Về con chung: ông S trình bày vợ chồng ông có 02 con chung, ông S đang trực tiếp nuôi dưỡng con gái tên Hồ Thúy N (sinh ngày 31/12/2019), bà L đang trực tiếp nuôi dưỡng con trai tên Hồ Ý (sinh ngày 06/9/2024). Tại đơn khởi kiện, ông S yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung nhưng tại phiên tòa hôm nay, ông S đồng ý để bà L trực tiếp nuôi con trai Hồ Ý, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung, ông S trình bày không có.

2. Đối với bị đơn Thông Lâm Thúy L: Tòa án đã tổng đạt bằng thủ tục niêm yết các Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà L không đến để giải quyết nên không thể lấy lời khai và hòa giải được.

3. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15; Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, đề nghị tuyên xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Giao con gái Hồ Thúy N cho ông Hồ S, giao con trai Hồ Ý cho bà Thông Lâm Thúy L trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung của ông S, bà L không có nên không xem xét. Nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: ông Hồ S có đơn đề nghị giải quyết việc hôn nhân giữa ông với bà Thông Lâm Thúy L - có nơi thường trú tại thôn V, xã L, tỉnh Lâm Đồng, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025 của Tòa án nhân dân Tối cao, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14-Lâm Đồng. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập họp lệ qua các thủ tục niêm yết, yêu cầu bà L đến Tòa để lấy lời khai, hòa giải và thực hiện các thủ tục tố tụng khác nhưng bà L từ chối và không chấp hành. Do đó, Tòa án không thể tiến hành hòa giải theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án

ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn **Thông Lâm Thúy L** đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: nguyên đơn Hồ Sang vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn bà **Thông Lâm Thúy L**.

Hội đồng xét xử nhận thấy: ông **Hồ S** và bà **Thông Lâm Thúy L** tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn **L**, huyện **T**, tỉnh **Bình Thuận** (cũ) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 299/2019 vào ngày 03 tháng 12 năm 2019 nên hôn nhân giữa ông **S** và bà **L** là hôn nhân hợp pháp. Nguyên đơn yêu cầu ly hôn bị đơn với lý do trong suốt quá trình chung sống, bà **L** không quan tâm đến chồng con, thương xuyên bỏ bê con để tụ tập chơi bời cùng bạn bè dẫn đến nhiều bất đồng, mâu thuẫn không thể giải quyết từ đó tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc. Hiện nay, tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn do bà **L** đã tự ý bỏ gia đình đi nơi khác thuê trọ để sinh sống. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo cho bà **L** đến giải quyết và hoà giải nhưng bà **L** không chấp hành, điều này chứng tỏ bà **L** không có thiện chí và không có mong muốn hàn gắn gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy các lý do ông **S** đưa ra để đề nghị ly hôn với bà **L** là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông **S**.

[3] Về con chung: ông **S** và bà **L** có 02 (hai) con chung, ông **S** đang trực tiếp nuôi dưỡng con gái tên **Hồ Thúy N** (sinh ngày 31/12/2019), bà **L** đang trực tiếp nuôi dưỡng con trai tên **Hồ Ý** (sinh ngày 06/9/2024). Tại đơn khởi kiện, ông **S** yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung nhưng tại phiên tòa hôm nay, ông **S** đồng ý để bà **L** trực tiếp nuôi con trai **Hồ Ý**, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do bà **L** không đến Tòa án để giải quyết nên tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của nguyên đơn về con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14-Lâm Đồng là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông **Hồ S** phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự

năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025 của Toà án nhân dân Tối cao; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông **Hồ S** đối với bà **Thông Lâm Thúy L**. Giấy chứng nhận kết hôn số 299, ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, Bình Thuận (cũ) hết hiệu lực kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: giao con chung **Hồ Thúy N** (sinh ngày 31/12/2019) cho ông **Hồ S** trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung **Hồ Ý** (sinh ngày 06/9/2024) cho bà **Thông Lâm Thúy L** trực tiếp nuôi dưỡng. Ông **Hồ S** và bà **Thông Lâm Thúy L**, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông **Hồ S** và bà **Thông Lâm Thúy L** được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được cản trở.

3. Về án phí: ông **Hồ S** phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009289, ngày 26-11-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

4. Quyền kháng cáo: ông **Hồ S** có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà **Thông Lâm Thúy L** có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND KV14 - Lâm Đồng;
- Phòng THADS KV14 - Lâm Đồng;
- Nguyên đơn;bị đơn;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Huyền